

Số: 203/QĐ-CDKTKT-CTHSSV

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trợ cấp xã hội cho sinh viên học kỳ II năm học 2021- 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/8/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 05 ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-CDKTKT-TTTS ngày 24/9/2019; Quyết định số 963/QĐ-CDKTKT-TS ngày 22/12/2020 và Quyết định số 581/QĐ-CDKTKT-TS ngày 18/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học hệ cao đẳng chính quy tại Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật năm 2019, năm 2020, năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 756/QĐ-CDKTKT-CTHSSV ngày 30/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc thành lập các lớp K15 Cao đẳng khóa học 2019-2022; Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-CDKTKT-CTHSSV ngày 08/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc thành lập các lớp K16 Cao đẳng khóa học 2020-2023; Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-CDKTKT-CTHSSV ngày 20/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc thành lập các lớp K17 hệ Cao đẳng khóa học 2021 - 2024;

Căn cứ hồ sơ và đơn xin hưởng trợ cấp xã hội của sinh viên;
Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội học kỳ II năm học 2021 - 2022 cho 38 SV hệ chính quy gồm: K15CD, K16CD và K17CD (có danh sách kèm theo).

Trong đó: 38 SV x 140.000đ x 6 tháng = 31.920.000đ

(Viết bằng chữ: Ba mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)

Điều 2. Thời gian được hưởng trợ cấp xã hội học kỳ II từ tháng 02/2022 đến hết tháng 7/2022.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng CTHSSV, Phòng KH-TC, Khoa Điện, Khoa Cơ khí, Khoa CN Ô tô, Khoa CNTT, Khoa KT&QTKD, Khoa KHCB và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Phòng KH-TC, các Khoa;
- Website;
- Lưu VT, P.CTHSSV.



TS. Ngô Xuân Hoàng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022**

*(Kèm theo Quyết định số: 203 /QĐ-CDKTKT-CTHSSV ngày 22 tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)*

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng (đ)/ 1tháng	Thời gian được hưởng (tháng)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
1	CDT120220651030300147	Lê Xuân Sao	K16CĐ-Điện ĐT B	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
2	CDT120220651030300135	Vy Đức Mạnh	K16CĐ-Điện ĐT B	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
3	CDT12022065103030059	Tô Văn Dương	K16CĐ-Điện ĐT B	Nùng/ĐBKK	140.000	6	840.000	
4	CDT12022065202270096	Ma Thanh Hiếu	K16CĐ-ĐCN A	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
5	CDT12022065202270074	Phùng Anh Quân	K16CĐ-ĐCN A	Dao/ĐBKK	140.000	6	840.000	
6	CDT12022065202270079	Vương Văn Hương	K16CĐ-ĐCN B	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
7	CDT12022065202270109	Hoàng Văn Kiên	K16CĐ-ĐCN B	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
8	CDT12022065202270094	Lưu Ngọc Quyền	K16CĐ-ĐCN B	Nùng/ĐBKK	140.000	6	840.000	
9	CDT12022065202270089	Lý Thanh Sơn	K16CĐ-ĐCN B	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
10	CDT12022065202250006	Nguyễn Ngọc Hòa	K16CĐ-Điện tử CN	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
11	CDT12022065202250038	Trần Tiến Văn	K16CĐ-Điện tử CN	Dao/ĐBKK	140.000	6	840.000	
12	CDT12022165202250039	Hoàng Văn Thi	K17CĐ-Điện tử CN	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
13	CDT12022165103030060	Lò Văn Thượng	K17CĐ-Điện ĐT A	Thái/ĐBKK	140.000	6	840.000	
14	CDT12022165202270108	Nguyễn Việt Bách	K17CĐ-ĐCN A	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
15	CDT12022165202270061	Mông Văn Quý	K17CĐ-ĐCN A	Nùng/ĐBKK	140.000	6	840.000	
16	CDT12022165202270020	Trần Duy Hiệu	K17CĐ-ĐCN B	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
17	CDT12022165202270063	Hoàng Văn Ngọc	K17CĐ-ĐCN B	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
18	CDT12022165202050010	Diệp Văn Bắc	K17CĐ-Điện lạnh	Sán Diu/ĐBKK	140.000	6	840.000	
19	CDT12022165202050027	Tổng Văn Mừng	K17CĐ-Điện lạnh	Cao Lan/ĐBKK	140.000	6	840.000	
20	CDT12022165202050029	Lục Văn Nam	K17CĐ-Điện lạnh	Nùng/ĐBKK	140.000	6	840.000	
21	CDT12022065102160038	Lý Thanh Dương	K16CĐ- Ô tô A	Sán Diu/ĐBKK	140.000	6	840.000	
22	CDT12022065102160013	Lường Thái Nguyên	K16CĐ- Ô tô A	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
23	CDT12022065102160071	Hoàng Lương Tuấn	K16CĐ- Ô tô A	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
24	CDT12022165102160009	Nịnh Văn Hiếu	K17CĐ- Ô tô	San Chí/ĐBKK	140.000	6	840.000	
25	CDT12022165102160065	Trần Minh Thiện	K17CĐ- Ô tô	San Chí/ĐBKK	140.000	6	840.000	
26	CDT12022165102160025	Vàng Seo Vàng	K17CĐ- Ô tô	Mông/ĐBKK	140.000	6	840.000	
27	CDT12022165102010026	Nông Trần Hải	K17CĐ-CNKT Cơ khí	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
28	CDT12022165102010038	Bé Thế Duệ	K17CĐ-CNKT Cơ khí	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
29	CDT12022064802010029	Đặng Văn Nghĩa	K16CĐ- Tin	Dao/ĐBKK	140.000	6	840.000	
30	CDT12022164802010034	Triệu Quốc Cường	K17CĐ-Tin	Dao/ĐBKK	140.000	6	840.000	
31	CDT12022062202110019	Hoàng Văn Phong	K16CĐ-Tiếng Hàn	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
32	CDT12022162202110028	Trạc Thị Đẹp	K17CĐ-Tiếng Hàn	Cao Lan/ĐBKK	140.000	6	840.000	
33	CDT12022162202110036	Đường Thị Hồng Nhã	K17CĐ-Tiếng Hàn	Hoà/ĐBKK	140.000	6	840.000	
34	CDT12022162202110050	Vũ Thị Thư	K17CĐ-Tiếng Hàn	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	



TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức hưởng (đ)/ 1tháng	Thời gian được hưởng (tháng)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
35	CDT12022162202110032	Mông Văn Tài	K17CĐ-Tiếng Hàn	Nùng/ĐBKK	140.000	6	840.000	
36	CDT12022163403010015	Hoàng Thị Ngọc Thương	K17CĐ-KT	Nùng/ĐBKK	140.000	6	840.000	
37	CDT12022163401140026	Lục Thị Anh Thư	K17CĐ-QTKD	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	
38	CDT12022163401140013	Nguyễn Ngọc Chân	K17CĐ-QTKD	Tây/ĐBKK	140.000	6	840.000	

Danh sách ấn định 38 SV

Tổng số tiền

31.920.000

(Bằng chữ: Ba mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

NGƯỜI LẬP




ThS. Trần Minh Trường

Nguyễn Lê Thanh